

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày: 21-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Công Danh
2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2022/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị Thùy D, tên gọi khác: không, sinh năm 1997 tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Số 84A, khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Ch, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ch1, sinh năm 1971; bản thân chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2021 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Dương Thị Kim H, sinh năm 1992

ĐKTT: Số 322A, Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Huỳnh Hoàng L, sinh năm 1994

ĐKTT: Số 88A, Khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Cùng tạm trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An

- Người làm chứng: Phạm Văn M, sinh năm 1964.

ĐKTT: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị Thùy D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của vợ chồng chị Dương Thị Kim H bán lấy tiền tiêu xài nên D gọi điện thoại cho H và khoảng 12 giờ ngày 12/11/2021 D đến gặp chị H cùng chồng là Huỳnh Hoàng L tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Tại đây, D nói dối với vợ chồng H cho D mượn xe mô tô biển số 66L1-611.38 do H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô để đi mua đồ về ăn, H tin là thật nên đồng ý giao chìa khoá và xe cho D mượn. Sau khi mượn được xe D điều khiển xe 66L1-611.38 đi về hướng thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đi D dừng xe lại chặn số điện thoại của H và dùng điện thoại đăng tin bán xe vừa chiếm đoạt được trên trang web “xe noop” với giá 12.000.000đ. Khoảng 30 phút sau có người tên Bin (không rõ họ tên, lai lịch) đồng ý mua xe và hẹn D đến đoạn đường QL1A gần cầu vượt thuộc huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh để D giao xe và lấy 12.000.000đ. D sử dụng số tiền bán xe tiêu xài cá nhân hết. Chị H không thấy D trả xe nên gọi điện thoại nhiều lần nhưng không liên lạc được với D nên đến Cơ quan Công an trình báo. Trong thời gian bỏ đi đến ngày 03/12/2021 thì D tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 xe mô tô của anh Ngô Đăng Kh, sinh năm 1997 trú tại ấp A, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và đã bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long khởi tố vụ án, khởi tố bị can ngày 20/01/2022. Đến ngày 06/12/2021, D đến Công an thị trấn L, tỉnh Đồng Tháp đầu thú. Xe mô tô biển số 66L1-611.38 hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không thu hồi được. Qua điều tra, D khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐG ngày 07/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: 01 xe mô tô biển số 66L1-611.38, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh – đen trị giá 40.800.000đ.

Tại cáo trạng số 28/CT-VKSBL ngày 28-02-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Huỳnh Thị Thùy D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Thị Thùy D hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Huỳnh Thị Thùy D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, bị cáo đầu thú do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Thùy D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Thị Thùy D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/12/2021.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với người tên Bin không rõ họ tên, địa chỉ đã mua xe của D, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không xác định được nhân thân, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, chị Dương Thị Kim H và anh Huỳnh Hoàng L yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị Thùy D bồi thường số tiền 30.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường cho anh H, chị L nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo, bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định Huỳnh Thị Thủy D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của vợ chồng chị Dương Thị Kim H và Huỳnh Hoàng L nên khoảng 12 giờ ngày 12/11/2021, D gọi điện và đến gặp H và L tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An, D nói dối với vợ chồng Hiếu mượn xe mô tô của vợ chồng H để đi mua đồ về ăn. H tin là thật nên đồng ý nên giao chìa khóa xe và xe mô tô biển số 66L1-611.38 cho D. Sau đó D đem xe mô tô 66L1-611.38 trị giá 40.800.000đ của H bán cho một người tên Bin (không rõ nhân thân, địa chỉ) được 12.000.000đ, tiêu xài cá nhân hết. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Huỳnh Thị Thủy D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó Cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, với bản tính tham lam, động cơ mục đích vụ lợi, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, bị cáo đầu thú do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với người tên Bin không rõ họ tên, địa chỉ đã mua xe của D, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức không xác định được nhân thân, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, chị Dương Thị Kim H và anh Huỳnh Hoàng L yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị Thủy D bồi thường số tiền 30.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo Huỳnh Thị Thùy D có trách nhiệm bồi thường cho chị Dương Thị Kim H và anh Huỳnh Hoàng L số tiền 30.000.000đ.

[6] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Thị Thùy D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Thùy D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Thị Thùy D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian tù tính từ bắt tạm giam 31-12-2021.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Huỳnh Thị Thùy D trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 21-02-2022 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo Huỳnh Thị Thùy D có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Dương Thị Kim H và anh Huỳnh Hoàng L số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Huỳnh Thị Thùy Dương phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hùng Cường